

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY
Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province
Email: Yfatuf@gmail.com
Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ II NĂM 2017

Kính gửi:

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.347.463.487	78.542.648.851
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.268.452.073	32.455.265.230
1. Tiền	111		18.538.402.073	2.725.215.230
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.730.050.000	29.730.050.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	(...)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.797.893.784	5.121.217.388
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.351.533.970	6.788.613.274
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.100.000	147.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác (138,141)	136	V.5	833.843.746	442.188.046
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(399.583.932)	(2.256.583.932)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	32.637.901.281	40.855.543.348
1. Hàng tồn kho	141		32.637.901.281	40.855.543.348
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.8	1.643.216.349	110.622.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.643.216.349	67.880.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	42.742.885
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.140.046.906	26.937.423.147



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.9	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	
II. Tài sản cố định	220		23.049.646.900	26.875.423.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	23.049.646.900	26.875.423.147
- Nguyên giá	222		155.979.506.426	155.599.267.216
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(132.929.859.526)	(128.723.844.069)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	
- Nguyên giá	225		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(...)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		75.000.000	75.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(75.000.000)	(75.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	
- Nguyên giá	231		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	90.400.006	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		90.400.006	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	(...)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	-	62.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	62.000.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		103.487.510.393	105.480.071.998
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		44.858.783.293	36.928.996.231
I. Nợ ngắn hạn	310		44.816.933.293	36.887.146.231
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	3.440.191.373	7.862.865.336
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.033.055.181	753.265.509
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.100.761.635	3.283.062.880
4. Phải trả người lao động	314		8.271.912.646	16.258.056.553
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.115.725.155	2.267.819.630
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	17.699.193.558	1.449.047.294
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	575.971.899	2.694.771.760
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	5.230.172.772	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.349.949.074	2.318.257.269
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		41.850.000	41.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.22	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	40.000.000	40.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-

16c
ST
HN
NC
PI
NE
AI-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.628.727.100	68.551.075.767
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	58.628.727.100	68.551.075.767
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.362.252.276	410.455.470
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.342.534.153	20.216.679.626
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.878.786.815	1.180.743.519
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.463.747.338	19.035.936.107
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		103.487.510.393	105.480.071.998

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Lập, ngày 17 tháng 07 năm 2017

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng



Giám đốc

Nguyễn Quốc Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	72.685.502.919	87.998.733.574	140.827.676.898	162.490.381.922
<i>Ghi chú: Doanh thu nội bộ</i>			<i>84.006.562.134</i>	<i>87.815.718.560</i>	<i>23.771.152.061</i>	<i>167.505.237.713</i>
<i>Trong đó: Doanh thu xuất khẩu</i>			<i>20.804.372.745</i>	<i>31.455.132.561</i>	<i>43.308.586.163</i>	<i>72.855.210.024</i>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0	0		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		72.685.502.919	87.998.733.574	140.827.676.898	162.490.381.922
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	64.831.121.505	77.301.668.141	121.846.755.314	140.092.359.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		7.854.381.414	10.697.065.433	18.980.921.584	22.398.022.806
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	193.776.093	234.023.612	442.549.058	404.749.392
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	44.940.244	359.115.298	160.270.887	757.122.668
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>29.157.652</i>	<i>341.423.313</i>	<i>110.759.362</i>	<i>682.099.836</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.b	2.199.083.922	3.877.286.960	4.276.595.054	6.860.108.788
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.a	4.575.729.103	4.087.737.509	7.916.977.988	7.290.735.682
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.228.404.238	2.606.949.278	7.069.626.713	7.894.805.060
11. Thu nhập khác	31	VI.6	0	0	1.857.000.000	113.363.636
12. Chi phí khác	32	VI.7	0	0	3.361.000	7.672.727
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0	1.853.639.000	105.690.909
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.228.404.238	2.606.949.278	8.923.265.713	8.000.495.969
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	163.134.312	316.449.589	1.459.518.375	996.784.032
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		1.065.269.926	2.290.499.689	7.463.747.338	7.003.711.937
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		224	674	1.568	2.060
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Hứa Minh Hồng

Lập, ngày 17 tháng 07 năm 2017



Nguyễn Quốc Trình

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp) (*)***Năm 2017**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.923.265.713	8.000.495.969
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.798.372.739	4.733.251.884
- Các khoản dự phòng	03		-4.265.300.000	883.095.848
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(12.642.448)	(68.311.469)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		282.278.171	(337.346.045)
- Chi phí lãi vay	06		110.759.362	682.099.836
- Các khoản điều chỉnh khác	07			(19.553.877.943)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.836.733.537	(5.660.591.920)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.776.933.511)	(906.693.715)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.217.642.067	7.030.714.098
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.980.829.618)	110.595.692
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.513.336.349)	(1.177.174.211)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(75.556.565)	(491.955.693)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.127.516.988)	(3.837.944.226)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.857.000.000	173.706.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.920.105.000)	(3.116.110.286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.517.097.573	(7.875.454.261)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(972.596.492)	(1.910.486.961)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	113.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		408.109.679	341.618.772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(564.486.813)	(1.455.504.553)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.492.225.652	54.219.698.696
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.611.025.513)	(55.464.901.789)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(6.800.180.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.118.799.861)	(8.045.383.093)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.833.810.899	(17.376.341.907)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.455.265.230	23.491.834.910
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(20.624.056)	(5.916.830)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		37.268.452.073	6.109.576.173

Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng


Hứa Minh Hồng

Lập, ngày 17 tháng 07 năm 2017

Giám đốc

Nguyễn Quốc Trinh

11/01/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cuông, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản xuất Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/06/2017 : 22.670 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với dự án xây dựng Nhà máy sản xuất giấy để xuất khẩu Thác Bà của Nhà máy giấy Yên Bình, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm (đến hết năm 2017). Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong ba (03) năm đầu tiên (đến hết năm 2008) và giảm 50% trong năm (05) năm tiếp theo (đến hết năm 2013).

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Đối với thu nhập chịu thuế dự án chế biến tinh dầu quế Văn Chấn và các sản phẩm từ quế trên địa bàn huyện Văn Chấn công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 50% của mức thuế phổ thông năm 2015 - 2016.

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

100
CỘ
CỘ
AM
TH
Y
EN

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

116
10
PT
01
CI
IN
BÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

11/11/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt		828.101.973	2.725.215.230
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		17.710.300.100	29.730.050.000
Các khoản tương đương tiền		18.730.050.000	
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng</i>			
		37.268.452.073	32.455.265.230
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ	Đầu năm
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác		-	-
Cộng		-	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH Đức Việt Anh		399.583.932	399.583.932
Công ty TNHH Giấy XK Thái Bình		1.471.740.197	-
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín		920.314.626	1.073.139.463
Công ty TNHH Giấy Lọc phẩm - Đài Loan		1.611.270.275	678.192.000
Công ty cổ phần tinh dầu và chất thơm		-	1.857.000.000
Công ty TNHH MTV nông sản Đông Hưng		917.053.877	128.401.063
Công ty TNHH MTV TM và VT QT Thái Dương		416.424.500	682.975.500
Công ty Cổ phần Thiên phúc		347.066.855	143.624.779
Công ty TNHH Vĩnh Hùng Cát		1.047.468.011	-
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		1.156.170.000	1.590.400.000
Khách hàng khác		64.441.697	235.296.537
Cộng		8.351.533.970	6.788.613.274
4. Trả trước cho người bán		Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH Kiểm toán Nhân tâm việt		12.100.000	
Công ty TNHH Cơ Khí và TM Phú Nam		-	147.000.000
Cộng		12.100.000	147.000.000
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ	Đầu năm
		Giá trị	Dự phòng
		Giá trị	Dự phòng
Ông Đào Tiến Hùng- tiền hỗ trợ mua xe		-	-
Ông Trần Trọng Nghĩa- tiền hỗ trợ mua xe		74.500.000	
Kinh Phí công đoàn		-	-
Bảo Hiểm xã hội phải thu CNV		38.082.200	-
Tiền điện thoại phải thu cá nhân		43.546	-
		15	-

11/2/2018 2/1/18

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế TNCN phải thu		
Tạm ứng	711.318.000	354.000.000
Phải thu của đối tác tiền bốc vác		
Phải thu tiền vận chuyển hộ phụ	9.900.000	25.340.000
Cộng	833.843.746	442.188.046

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(2.256.583.932)		(2.256.583.932)
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm do thu hồi được nợ	1.857.000.000		1.857.000.000
Số cuối kỳ	(399.583.932)		(399.583.932)

Trong kỳ đã thu hồi được nợ quá hạn của Công ty CP tinh dầu và chất thơm số tiền: 1.857.000.000
Chi tiết các khoản dự phòng xem phụ lục số 01

7. Hàng tồn kho:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	9.955.954.297		13.519.060.633	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	1.719.609.584		1.881.919.281	
Thành phẩm;	20.962.337.400		25.067.181.870	
Hàng gửi bán;	-		387.381.564	
Cộng	32.637.901.281	-	40.855.543.348	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ dụng cụ NMG Yên Bình	104.161.207	-
CP cải tạo thiết bị tách nước + Bảo dưỡng NM sản	1.340.020.643	67.880.000
Công cụ dụng cụ NM Minh Quân	7.927.499	-
Công cụ dụng cụ NMG Văn Chấn	26.000.000	-
CP hội nghị NM Nguyễn Phúc	-	-
CP hội nghị, CP QL tại Phú Thịnh	-	-
Công cụ dụng cụ tại Văn Chấn, Yên Hợp	-	-
CP bốc xếp thu mua NL Quế	165.107.000	-
Cộng	1.643.216.349	67.880.000

9. Phải thu dài hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	-		-	
Cộng	-	-	-	-

Quyết toán vốn dự án hoàn thành: Dự án chế biến bã sắn

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	53.864.424.663	96.972.461.444	3.920.466.530	232.444.543	609.470.036	155.599.267.216
Tăng trong kỳ	672.687.401	299.909.091	-	-	-	972.596.492
-Do mua sắm mới	672.687.401	299.909.091	-	-	-	972.596.492
-Do XDCB hoàn thành						
Giảm trong kỳ	(592.357.282)	-	-	-	-	(592.357.282)
-Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	(592.357.282)					(592.357.282)
-Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	53.944.754.782	97.272.370.535	3.920.466.530	232.444.543	609.470.036	155.979.506.426
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	22.840.710.709	60.205.053.040	844.204.618	104.925.000	555.751.854	84.550.645.221
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	43.397.367.152	82.869.061.361	1.727.548.599	128.454.650	601.412.307	128.723.844.069
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	2.149.271.867	2.365.850.100	259.372.002	18.506.952	5.371.818	4.798.372.739
- Tăng do điều chỉnh phân loại						
Giảm trong kỳ	(592.357.282)	-	-	-	-	(592.357.282)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	(592.357.282)					(592.357.282)
- Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	44.954.281.737	85.234.911.461	1.986.920.601	146.961.602	606.784.125	132.929.859.526
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.467.057.510	14.103.400.084	2.192.917.931	103.989.893	8.057.729	26.875.423.147
Số cuối kỳ	8.990.473.045	12.037.459.074	1.933.545.929	85.482.941	2.685.911	23.049.646.900

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

- Là phần mềm máy vi tính, phần mềm này đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

12. Chi phí XDCB dở dang

	Số đầu năm	CP phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ/Vào CP	Số cuối kỳ
Chi phí SC MMTB, NCVKT Yên Bình	-	-	-	-
Chi phí SC MMTB Văn Chấn	-	52.885.008	-	52.885.008
Chi phí SC MMTB Minh Quân	-	37.514.998	-	37.514.998
Chi phí SC MMTB Yên Hợp	-	-	-	-
Chi phí SC nhà xưởng Nguyễn Phúc	-	-	-	-
Chi phí SC MMTB Sản Văn Yên	-	-	-	-
Chi phí SC MMTB Quế Văn Chấn	-	-	-	-
Cộng	-	90.400.006	-	90.400.006

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP bốc xếp thu mua NL Quế	-	62.000.000
Cộng	-	62.000.000

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì	1.009.529.743	798.005.787
Công ty TNHH đầu tư TMSX Minh Tiến	-	254.837.000
Công ty TNHH An Hoa	173.250.000	257.400.000
Công ty cổ phần Đông Á	706.067.890	1.089.523.270
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	316.250.000	348.810.000
Công ty TNHH MTV Hà Thành	-	128.700.000
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	104.652.900	100.765.500
Công ty TNHH SXTM Đạt Phương	161.375.494	147.383.014
Công ty cổ phần Thăng Huy	128.700.000	148.500.000
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	423.964.420	-
Trần Văn Chi (Đại lý sản)	-	652.761.800
Nguyễn Thị Liên (Đại lý sản)	-	615.864.000
Trần Văn Thảo (Đại lý sản)	-	1.008.946.500
Nguyễn Ngọc Chung (Đại lý sản)	-	233.949.300
Triệu Thiệu Lâm (Đại lý sản)	-	555.786.800
Nguyễn Thị Túc (Đại lý sản)	-	404.215.300
Vũ Đình Thân (Đại lý sản)	-	127.744.400
Phải trả các đối tượng khác	416.400.926	989.672.665
Cộng	3.440.191.373	7.862.865.336

15/4 TH AM CC/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**15. Người mua trả tiền ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần VTKT Nông Nghiệp Cần Thơ	695.000.000	7.407.734
Công ty HUEI TAI TRADING CO	450.556.955	337.265.450
Công ty cổ phần Long Thành	142.589.073	
Cty TNHH Thương mại & Dịch vụ Hồng Mã	109.141.240	
Cty TNHH MTV Quan JIA	112.774.208	
Công ty TNHH TM XD và Xuất khẩu Hưng Hiệp	478.595.000	
Phải trả cho các đối tượng	44.398.705	408.592.325
Cộng	2.033.055.181	753.265.509

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.430.028.725	5.591.302.289	5.100.639.258	1.920.691.756
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		39.453.900	39.453.900	
Thuế nhập khẩu				
Thuế TNDN	1.831.132.925	1.459.518.375	3.127.516.988	163.134.312
Thuế thu nhập cá nhân	-42.742.885	201.321.744	149.939.942	8.638.917
Thuế tài nguyên	21.901.230	66.027.150	79.631.730	8.296.650
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		113.385.247	113.385.247	
Các loại thuế khác	0	11.000.000	11.000.000	0
Cộng	3.240.319.995	7.482.008.705	8.621.567.065	2.100.761.635

Ghi chú: Thuế TNCN do Quyết toán năm 2016 thừa ra: 59.677.680 đồng

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí tiền điện	243.520.461	666.318.798
Chi phí NL sản	112.504.244	925.936.740
CP hỗ trợ thu mua và QL vùng NL sản	150.482.917	309.664.092
Phí bảo vệ môi trường quý I+II năm 2017	765.400.000	310.900.000
Trích trước tiền lương BS theo khoán	1.955.475.944	-
Trích trước tiền nghỉ phép năm theo khoán	541.607.782	-
Trích trước tiền Bảo hộ LĐ theo khoán	291.626.897	-
Chi phí khác	55.106.910	55.000.000
Cộng	4.115.725.155	2.267.819.630

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi thuế TNCN với tiền lãi vay phải trả	5.698.181	40.598.452
Kinh phí công đoàn	8.598.636	-
Thuế TNCN phải trả	110.213.101	18.064.702
Bảo hiểm xã hội	555.138.980	-
Bảo hiểm tai nạn lao động	-	119.157.210
Tiền lãi vay cá nhân phải trả	42.970.035	-
Tiền sáng kiến cải tiến KT	-	44.600.000
Phải trả tiền phạt vi phạm môi trường	-	1.119.342.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền Cổ tức 2016	16.184.299.200	
Phải trả khác	792.275.425	107.284.930
Tiền Tiết kiệm vật tư	684.443.981	
Tiền Phụ cấp, tiền bốc vác	107.831.444	107.284.930
Cộng	17.699.193.558	1.449.047.294

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn cá nhân	2.694.771.760	43.483.605	2.162.283.466	575.971.899
Cộng	2.694.771.760	43.483.605	2.162.283.466	575.971.899

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát	Số tiền vay đã trả	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng		5.448.742.047	5.448.742.047	0
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.694.771.760	43.483.605	2.162.283.466	575.971.899
	2.694.771.760	5.492.225.652	7.611.025.513	575.971.899

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là chi phí tiền lương bổ sung, nghỉ phép năm, bảo hộ lao động phải trả cho người lao động

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	767.702.712	475.898.405	1.028.180.000	215.421.117
Quỹ phúc lợi	1.550.554.557	475.898.400	891.925.000	1.134.527.957
	2.318.257.269	951.796.805	1.920.105.000	1.349.949.074

22. Phải trả người bán dài hạn

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc

DNTN Sinh hóa Phương Toàn

Hainan DongFang Dahui Starch Produce Co., LTD

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
Cộng	1.850.000	1.850.000

Ghi chú:

Đã tiến hành xóa nợ của DNTN Sinh hóa Phương toàn do hợp đồng đã quá lâu
Đông thời quyết toán vốn của Nhà thầu nước ngoài Hainan, kết thúc công nợ dài hạn

23. Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Bốn Sao	15.000.000	15.000.000
Cộng	40.000.000	40.000.000

 11/11/17
 T
 H
 A
 N
 G
 P
 H
 B
 1-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông		47.600.880.000	47.600.880.000
Thặng dư vốn cổ phần		323.060.671	323.060.671
		47.923.940.671	47.923.940.671
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân		Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		0	-
d) Cổ phiếu		Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành		4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		4.760.088	4.760.088
+ Cổ phiếu phổ thông		4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		4.760.088	4.760.088
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :		10.000	10.000
đ) Cổ tức			
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....		1.568	3.999
e) Các quỹ của doanh nghiệp:			
- Quỹ đầu tư phát triển;		410.455.470	410.455.470
20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		Cuối năm	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		6.065.642.653	6.349.374.348
Nợ khó đòi đã xử lý		1.857.000.000	28.500.000
Ngoại tệ các loại: USD		254,750	215,100

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng		
cấp dịch vụ	140.827.676.898	162.490.381.922
hàng hóa	140.827.676.898	162.490.381.922
Trong đó: Doanh thu nội địa	97.519.090.735	89.635.171.898
DT xuất khẩu trực tiếp	43.308.586.163	72.855.210.024
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã:	34.079.462.050	21.254.109.750
Tương đương Tiền USD	1.502.500,00	952.350,0000
- DT Sản phẩm Giấy để XK	9.229.124.113	11.689.175.274
Tương đương Tiền USD	407.039,04	524.026,54
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn:	-	39.911.925.000
Quy ra USD	-	1.792.988,54
Tổng cộng USD:	1.909.539,04	3.269.365,08
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	140.827.676.898	162.490.381.922

97
 N.S.A.N
 T. AN
 T. AN

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh	Năm nay	Năm trước	
	0	0	
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước	
- Giá vốn của thành phẩm đã	121.846.755.314	140.092.359.116	
	121.846.755.314	140.092.359.116	
4. Doanh thu hoạt động tài	Năm nay	Năm trước	
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	408.109.679	341.618.772	
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	34.439.379	63.130.620	
	442.549.058	404.749.392	
5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước	
- Lãi tiền vay;	110.759.362	682.099.836	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	49.511.525	75.022.832	15.072.146
	160.270.887	757.122.668	
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước	
- Thu nhập khác từ xử lý nợ	1.857.000.000		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	-	113.363.636	
	1.857.000.000	113.363.636	
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước	
- Các khoản bị phạt;			
- Thuế TNCN phải nộp Bổ sung	3.361.000	7.672.727	
	3.361.000	7.672.727	
8. Chi phí bán hàng và chi phí	Năm nay	Năm trước	
a) Các khoản chi phí quản lý			
Chi phí nhân viên quản lý	2.871.272.740	2.799.270.342	
Chi phí vật liệu quản lý	136.709.868	123.400.015	
Chi phí đồ dùng văn phòng	160.850.000	30.582.727	
Chi phí khấu hao TSCĐ	456.715.656	429.808.724	
Thuế, phí và lệ phí	1.333.108.158	1.141.232.787	
Chi phí dự phòng	10.439.999	9.240.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	964.337.824	416.447.631	
Chi phí bằng tiền khác	1.983.543.743	2.340.753.456	
Cộng	7.916.977.988	7.290.735.682	
b) Các khoản chi phí bán hàng			
- Các khoản chi phí bán hàng	4.276.595.054	6.860.108.788	
Cộng	4.276.595.054	6.860.108.788	

A red circular stamp is located on the right side of the page. The text inside the stamp reads "CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI" around the perimeter.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập

- Chi phí thuế thu nhập doanh
- Tổng chi phí thuế thu nhập

Năm nay

0

1.459.518.375

Năm trước

996.784.032

996.784.032

Lập, ngày 17 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng



Giám đốc

Nguyễn Quốc Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)						Loại trừ nội bộ	Đơn vị tính: VND
	Giấy để	Giấy vàng mã	Tính bột sản	Tính dầu quế	Giấy lẻ	Cộng		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	46.984.072.033	34.079.462.050	50.478.439.179	9.218.700.000	67.003.636	-	140.827.676.898	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	12.281.752.417	15.810.646.010	20.450.428.493	4.114.694.369	(84.006.562.134)	-	-	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.265.824.450	49.890.108.060	70.928.867.672	13.333.394.369	67.003.636	(84.006.562.134)	140.827.676.898	
Chi phí bộ phận	-	43.368.928.441	47.421.436.493	9.628.110.913	-	-	133.973.324.720	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	3.615.143.592	3.057.002.686	(409.410.913)	-	-	6.787.348.542	
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	442.549.058	
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(160.270.887)	
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	1.857.000.000	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(3.361.000)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	(1.459.518.375)	
	-	-	-	-	-	-	7.463.747.338	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phác, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)

Số cuối năm	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.790.506.606	1.807.072.641	17.053.483.099	5.570.415.920	103.487.510.393
Tài sản phân bổ cho bộ phận	4.351.594.631	335.683.891	13.446.542.676	2.156.292.992	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	14.142.101.237	2.142.756.532	30.500.025.775	7.726.708.912	103.487.510.393

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận
Tổng nợ phải trả

	9.477.194.191	1.670.549.220	15.629.241.085	5.516.024.637	44.858.783.293
	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	9.477.194.191	1.670.549.220	15.629.241.085	5.516.024.637	44.858.783.293

Số đầu năm
Tài sản trực tiếp của bộ phận
Tài sản phân bổ cho bộ phận
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận
Tổng tài sản

	9.042.106.872	2.638.785.357	26.436.947.495	3.391.952.624	105.480.071.998
	4.606.654.664	400.962.241	16.074.532.860	2.577.025.016	0
	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	13.648.761.536	3.039.747.598	42.511.480.355	5.968.977.640	105.480.071.998

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận
Tổng nợ phải trả

	9.308.944.196	2.638.785.357	26.436.947.495	3.391.952.624	36.928.996.231
	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	9.308.944.196	2.638.785.357	26.436.947.495	3.391.952.624	36.928.996.231

26
//1-1 B. L. 2/5/11

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	97.519.090.735	89.635.171.898
Khu vực xuất khẩu	43.308.586.163	72.855.210.024
Cộng	140.827.676.898	162.490.381.922

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(972.596.492)	(1.910.486.961)
Cộng	(972.596.492)	(1.910.486.961)

Lập, ngày 17 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng


 Hứa Minh Hồng


Giám đốc


 Nguyễn Quốc Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu khó đòi

TT	Tên đơn vị	Số tiền nợ	Thu hồi trong kỳ	Số trích kỳ này	Lũy kế	Ghi chú
1	Công ty TNHH Đức Việt Anh(131)	51.480.521			51.480.521	Quá hạn trên 05 năm
2	Công ty TNHH Đức Việt Anh(131)	348.103.411			348.103.411	Quá hạn trên 05 năm
3	Công ty Cổ phần tinh dầu và chất thơm	-			0	
	+ Hợp đồng: 10/06/2013 - 70%	814.000.000	814.000.000		0	Quá hạn trên 03 năm - Đã trả nợ
	+ Hợp đồng: 21/08/2013 - 50%	1.043.000.000	1.043.000.000		0	Quá hạn trên 03 năm - Đã trả nợ
		2.285.083.932	1.857.000.000	-	399.583.932	

Lập, ngày 17 tháng 07 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng